

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LŨ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày: 30/9/2020

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LŨ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Mạnh Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Đình Hiền

2. Bà Ngô Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lũ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lũ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lũ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 02 LH, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hồng Q - Giám đốc Ngân hàng A, Chi nhánh huyện TL.

Người được ủy quyền lại: Ông Đặng Xuân T - Phó Giám đốc Ngân hàng A, Chi nhánh huyện TL “có mặt”.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1971 “vắng mặt”

Bà Phạm Thị V, sinh năm 1973 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn NL, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/03/2013 Ngân hàng A - Chi nhánh huyện TL, tỉnh Hưng Yên (sau đây viết tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số 2410-LAV-2012 với ông Nguyễn Thanh D sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn NL, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên là chủ hộ đại diện gia đình. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho gia đình ông Nguyễn Thanh D và bà Phạm Thị V vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Phương thức

vay từng lần, mục đích vay để mua tàu vận tải đường thủy nội địa, thời hạn vay vốn 24 tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 13,5%/năm và được điều chỉnh theo từng thời điểm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất tại thời điểm hiện tại là 8%/năm. Phương thức trả nợ gốc làm 02 kỳ: ngày 20/03/2014 trả 200.000.000 đồng, ngày 20/03/2015 trả 200.000.000 đồng, tiền lãi trả cùng kỳ trả nợ gốc.

Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ tại Hợp đồng tín dụng số 2410-LAV-2012 ngày 20/03/2013, vợ chồng ông D bà Phạm Thị V thế chấp các tài sản sau: Hợp đồng thế chấp tài sản số 15/HĐTC ngày 20/3/2013 thế chấp thửa đất số 17 và tài sản gắn liền với đất tại tờ bản đồ 28, diện tích 75m² tại Thôn NL, xã AV, huyện TL, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông D bà V ngày 28/02/2013. Giá trị tài sản tại thời điểm nhận thế chấp là 412.000.000 đồng, bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã và sẽ ký trong tương lai giữa ông Nguyễn Thanh D cùng vợ là bà Phạm Thị V với Ngân hàng bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các khoản phí phát sinh nếu có với tổng dư nợ gốc là 300.000.000 đồng. Hợp đồng thế chấp số 16/HĐTC ngày 20/3/2013 thế chấp tài sản là thửa đất số 281, tờ bản đồ 28 diện tích 184,8m² tại Thôn NL, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông D bà V ngày 28/02/2013. Giá trị tài sản tại thời điểm nhận thế chấp là 200.000.000 đồng bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã và sẽ ký trong tương lai bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các khoản phí phát sinh nếu có với tổng dư nợ gốc là 100.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, ngày 22/3/2013 Ngân hàng đã thực hiện giải ngân cho ông Nguyễn Thanh D và bà Phạm Thị V số tiền 400.000.000 đồng. Từ khi vay đến ngày Ngân hàng khởi kiện, ông D bà V mới trả được 25.000.000 đồng tiền gốc và 41.455.556 đồng tiền lãi. Từ ngày 21/03/2014 ông D, bà V bắt đầu phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo và trực tiếp làm việc yêu cầu thực hiện việc trả nợ gốc, lãi nhưng ông D, bà V cố tình không thực hiện. Tạm tính đến hết ngày 15/05/2020, tổng số tiền ông D bà V còn nợ là 575.552.648 đồng, trong đó dư nợ gốc 375.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 200.552.648 đồng, Ngân hàng không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất quá hạn, phí và tiền phạt. Do bị đơn cố tình vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả nợ toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 15/05/2020 tổng là 575.552.648 đồng. Nếu ông D bà V không trả nợ đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ các tài sản mà ông D, bà V đã thế chấp theo hai hợp đồng đã thế chấp. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông D, bà V để thu hồi nợ theo qui định pháp luật. Ông D, bà V phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 16/05/2020 cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện TL đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh D và bà Phạm Thị V trình bày: Do cần vốn để mua tàu vận tải đường thủy nội địa nên ngày 20/03/2013, vợ chồng ông bà ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện TL số tiền 400.000.000 đồng theo

đúng như trình bày của Ngân hàng. Ông bà đã thế chấp hai mảnh đất và tài sản gắn liền với đất tại tờ bản đồ 28, thửa số 17 diện tích 75m² và thửa đất số 281, tờ bản đồ 28, diện tích 184,8m² đều ở Thôn NL, xã AV, huyện TL, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông bà theo hai hợp đồng thế chấp số 15 và 16 ngày 20/3/2013. Sau khi vay tiền, do làm ăn thua lỗ nên ông bà mới trả cho Ngân hàng được 25.000.000 đồng tiền gốc và 41.455.556 đồng tiền lãi, trả làm nhiều lần không nhớ ngày tháng cụ thể. Kể từ ngày 21/03/2014 thì bắt đầu phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo và trực tiếp làm việc với ông bà yêu cầu thực hiện việc trả nợ gốc, lãi theo đúng Hợp đồng tín dụng nhưng ông bà không có khả năng trả nợ. Ông bà thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi như Ngân hàng đã tính đến hết ngày 15/5/2020 cụ thể nợ gốc là 375.000.000 đồng, tiền lãi là 200.552.648 đồng cộng bằng 575.552.648 đồng. Quan điểm của ông bà không trốn tránh trách nhiệm trả nợ, nhưng do làm ăn thua lỗ chưa có tiền để trả nợ nên xin Ngân hàng cho trả nợ dần từ 20-30 triệu đồng/năm. Còn nếu phát mại tài sản thế chấp thì ông bà đồng ý bán thửa đất có diện tích 184,8m² để trả nợ Ngân hàng, còn thửa thì lấy tiền về, thiếu thì ông bà trả nợ dần. Đối với thửa đất có diện tích 75 m² hiện là nhà ở ông bà xin giữ lại để gia đình ở.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2020 đối với 02 thửa đất vợ chồng ông D, bà V đã thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thể hiện như sau: Thửa đất số 281, tờ bản đồ 28, diện tích 184,8m², trên đất có 01 ngôi nhà mái ngói diện tích 40 m2 và công trình phụ 20 m2 đều đã xuống cấp, dột nát.

Thửa đất số 17 và tài sản gắn liền với đất tại tờ bản đồ 28, diện tích 75m², theo hợp đồng thế chấp lập ngày 20/3/2013 ghi trên đất có ngôi nhà hai tầng 100m2 và công trình mái ngói 30 m2. Nhưng khi xem xét thẩm định tại chỗ không đúng như trong hợp đồng thế chấp, cụ thể: Ngôi nhà mái bằng một tầng và có 01 gian cầu thang xây lên tầng hai lợp mái tôn, trần nhựa còn gian phía trước và gian phía sau giáp với gian cầu thang không xây tường mà chỉ lợp mái tôn. Phía trước nhà là một khoảng sân đổ bê tông và 01 công khung sắt hộp vuông bịt tôn. Không có công trình mái ngói 30 m2 xây trên thửa đất này.

Tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cung cấp bản tính nợ gốc, lãi và trình bày bổ sung ý kiến: ngày 13/9/2020 vợ chồng ông D bà V đã trả được thêm 5.000.000đ tiền gốc, số tiền gốc còn lại là 370.000.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 30/9/2020 là 212.560.444đ, cộng bằng 582.560.444đ. Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả ngay không đồng ý trả dần từ 20 đến 30 triệu đồng/năm. Bị đơn còn phải chịu lãi trên nợ gốc kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thanh toán trả xong nợ theo lãi suất đã ký kết trong hợp đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Toà án tuyên xử cho phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Nếu tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ thu hồi nợ thì buộc ông D, và Vân phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Đối với lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả lãi, các loại phí và chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ đại diện Ngân hàng không yêu cầu bị đơn phải thanh toán, tự nguyện chịu toàn bộ.

Bị đơn ông D bà V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thừa nhận việc vay nợ số tiền như Nhân hàng đã trình bày, vợ chồng không trốn tránh trách nhiệm trả nợ nhưng do làm ăn thua lỗ chưa có tiền để thanh toán, đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần từ 20-30 triệu đồng/năm. Còn nếu phát mại tài sản thế chấp thì ông bà đồng ý bán thửa đất có diện tích 184,8m² để trả nợ, còn thừa thì lấy tiền về, thiếu thì ông bà trả nợ dần. Đối với thửa đất có diện tích 75 m² hiện là nhà ở ông bà xin giữ lại để gia đình ở. Do ông D bà V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 117, 119, 317, 318, 323, 463, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thanh D và bà Phạm Thị V phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng A - Chi nhánh huyện TL số tiền gốc 370.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày xét xử 30/9/2020 là 212.560.444đ, cộng bằng 582.560.444đ. Ông D, bà V còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ theo đúng lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông D, bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án tuyên xử cho phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Hoàn trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng A - Chi nhánh huyện TL, tỉnh Hưng Yên khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh D và vợ là bà Phạm Thị V; địa chỉ Thôn NL, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết được xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại (tranh chấp hợp đồng tín dụng) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tiên Lữ theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng giữa các bên được ký kết vào ngày 20/3/2013 trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Tuy nhiên, hợp đồng tín dụng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 luật nội dung điều chỉnh quan hệ tranh chấp là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với vợ chồng ông D bà V được ký ngày 20/3/2013 thời hạn vay 02 năm với tổng số tiền được vay là 400.000.000 đồng. Ngày 22/3/2013 Ngân hàng giải ngân số tiền 400.000.000 đồng, nên ngày 22/3/2015 là hạn trả nợ cuối cùng nhưng vợ chồng ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên được xác định là ngày vi phạm. Tuy nhiên, vợ chồng ông D vẫn trả nợ gốc và lãi rải rác nhiều lần, ngày 13/9/2020 vẫn trả gốc 5.000.000đ nên thời hiệu khởi kiện được tính lại theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, Ngân hàng A là Ngân hàng 100% vốn sở hữu của Nhà nước. Do vậy, đơn khởi kiện của Ngân hàng nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay gốc 370.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, riêng tiền lãi quá hạn, lãi suất chậm trả lãi, các loại phí Ngân hàng không yêu cầu bị đơn phải trả Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 2410-LAV-2012 ngày 20/3/2013 giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định tại Điều 117, 119 Bộ luật Dân sự năm khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, giải ngân theo cam kết cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đúng hạn nên đã vi phạm Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nợ, đồng thời làm việc với bị đơn để đôn đốc, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2020 gồm tiền nợ gốc 370.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 212.560.444đ, tổng cộng bằng 582.560.444đ là phù hợp với các điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 2410-LAV-2012 ngày 20/3/2013 được các bên ký kết và quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Do các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, nên lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng: Trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 15/HĐTC ngày 20/3/2013, Hợp đồng thế chấp tài sản số 16/HĐTC ngày 20/3/2013 và hai biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2020 giữa bên Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) và vợ chồng ông D bà V (Bên thế chấp) thể hiện tài sản thế chấp là thửa đất số 17 và tài sản gắn liền với đất tại tờ bản đồ 28, diện tích 75m² và thửa đất số 281, tờ bản đồ 28, diện tích 184,8m² tại Thôn NL, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông D bà V. Hợp đồng thế chấp tài sản đã đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 và được công chứng theo đúng quy định tại Điều 119 và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Do vậy, trường hợp ông D bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa

vụ trả nợ Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cho phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông D và bà V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[5]. Về các loại phí, tiền lãi quá hạn và chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ đại diện Ngân hàng không yêu cầu bị đơn phải thanh toán, tự nguyện chịu toàn bộ, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thanh D và bà Phạm Thị V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 117, 119, 317, 318, 321, 322, 323, 463, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh D và bà Phạm Thị V phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng các khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2020 gồm: tiền gốc 370.000.000đ; tiền lãi trong hạn 212.560.444đ, tổng cộng bằng 582.560.444đ. Ông D và bà V còn phải tiếp tục chịu lãi của số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 01/10/2020 theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông D và bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cho phát mại tài sản là quyền sử dụng 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 17 và tài sản gắn liền với đất tại tờ bản đồ 28, diện tích 75m² tại Thôn NL, xã AV, huyện TL, theo giấy chứng nhận số BK 722542, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00340. Q01-T166 do UBND huyện TL, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 28/02/2013; Thửa đất số 281 và tài sản gắn liền với đất tại tờ bản đồ 28, diện tích 184,8m² tại Thôn NL, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận số: BK 722541, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00341. Q01-T167 do UBND huyện TL, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 28/02/2013. Cả hai thửa đất trên đều mang tên ông Nguyễn Thanh D và bà Phạm Thị V

Trường hợp tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông D, bà V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Về án phí: Ngân hàng A - Chi nhánh huyện TL, Hưng Yên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 13.511.000 đồng theo biên lai số 0000598 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh D và bà Phạm Thị V phải chịu 27.302.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Tiên Lữ;
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- UBND xã AV;
- Phòng KTNV Toà án tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang